

**Biểu mẫu 11**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**  
**TRƯỜNG THCS LƯƠNG THẾ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO**  
**CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	19	
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	19	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	3	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	21	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	40/lớp	
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	1101,8	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	588,24	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	51,84	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	52	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )	26	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	86,4	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	0	
5	Diện tích phòng Đội (m <sup>2</sup> )	51	
6	Diện tích phòng Bảo vệ (m <sup>2</sup> )	15	
7	Diện tích phòng y tế (m <sup>2</sup> )	22	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		
1	Khối lớp 6	5	
2	Khối lớp 7	5	
3	Khối lớp 8	5	
4	Khối lớp 9	5	
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	<b>0</b>	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	82	

**Biểu mẫu 11**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		
1	Ti vi	19	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác: bảng tương tác Active board	0	
..	.....		

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	<b>0</b>
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	<b>0</b>

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	11 phòng, 51m <sup>2</sup> /phòng		
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0		

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10		5/5		15/10
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(\*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	X	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	X	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet (ADSL)</b>	X	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	X	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	X	

Quận 3, ngày tháng năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**

**LÊ THỊ MINH NGỌC**